

Số: 32/2019/QĐST-HNGĐ

Hiệp Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2018/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh B do ông Nguyễn Hải H – chức vụ: Phó Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 211, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1987.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị H.

- *Về con chung:* Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi ba con chung của vợ chồng là Phạm Thị X, sinh ngày 25/02/2008, Phạm Thị Mai P, sinh ngày 21/10/2010 và Phạm Vũ H, sinh ngày 10/9/2015. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, ruộng canh tác, công sức và các vấn đề khác:* Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị H đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ:* Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh B là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 28/02/2019 là: 118.499 đồng, tổng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 28/02/2019 là: 40.118.499 đồng (bốn mươi triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 28/02/2019 theo lãi suất quy định của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh B trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã ký kết với Ngân hàng.

- *Về án phí:* Anh Phạm Văn H tự nguyện chịu cả 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.002.900 đồng (một triệu không trăm linh hai nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001369 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Anh Phạm Văn H còn phải nộp 852.900 đồng (tám trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;
- UBND xã H, h. Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Xuân Toàn